TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 809/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Khắc Di

- Bà Phạm Thị Trịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thùy Dương- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vự 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại Toà án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2025/DSST ngày 10 tháng 4 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 480/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 392/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: Lầu 8, 266 – B N, phường V, Quận C (Tên gọi mới: Lầu 8, 266 – 268 N, phường X), Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật Kinh K theo Giấy ủy quyền số 2559/2024/UQ-TGĐ ngày 25/4/2025.

Bị đơn: Ông Danh Minh G – sinh năm 20/4/1990, CMND: 091090000055; Địa chỉ: B B, Phường A, quận T (Tên gọi mới: B B, phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Nhật Kinh K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S trình bày: Ngày 21/8/2020, ông Danh Minh G (sau đây gọi là bị đơn) có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi là nguyên đơn). Theo nội dung thỏa thuận tại hợp đồng, nguyên đơn đã cấp cho bị đơn thẻ tín dụng với hạn mức là 25.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bị đơn đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 53.490.872 đồng, đã thanh toán 44.797.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, gửi thông báo và công văn đề nghị thanh toán nhưng bị đơn không thanh toán thêm khoản nào khác. Ngày 23/3/2023, nguyên đơn chấm dứt quyền

sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của bị đơn gồm giá trị các giao dịch, lãi và phí liên quan sang khoản nợ gốc quá hạn 30.811.809 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bị đơn thanh toán ngay một lần cho nguyên đơn các khoản tạm tính đến hết ngày 26/9/2025 gồm (có bản sao kê chi tiết cụ thể): Nợ gốc 30.811.809 đồng, lãi quá hạn: 39.214.988 đồng; tổng cộng số tiền gốc và lãi là 70.026.797 đồng.

- Bị đơn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

Bị đơn vắng mặt nên Tòa không ghi nhận được ý kiến.

Do các bên đương sự không có mặt đầy đủ và phía nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản ghi nhận vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai và bản sao kê chi tiết tính lãi ngày 26/9/2025 của nguyên đơn cung cấp. Đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ tranh chấp giữa các bên trong vụ án này là‘‘Hợp đồng tín dụng’’. Theo kết quả xác minh của Công an phường B (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại B B, phường B (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện không cư trú tại địa phương. Như vậy, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Dân sự 2015 nên địa chỉ trên được coi là địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 4 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

- Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc 30.811.809 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định như sau:

Ngày 21/8/2020, bị đơn đã ký với nguyên đơn giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 472074 - 6731. Như vậy, giữa bị đơn và nguyên đơn đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ. Tại mục 18.2 quy định trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của nguyên đơn quy định: "*Chủ Thẻ có nghĩa vụ thanh toán Dư Nợ đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu của S1 và việc thanh toán này sẽ không bị gián đoạn bởi bất kỳ lý do gì ''*.

Theo tóm tắt sao kê do nguyên đơn cung cấp thì bị đơn đã thực hiện giao dịch với số tiền 53.490.872 đồng, đã thanh toán được số tiền gốc, lãi, phí trễ hạn là 44.797.000 đồng và đã ngừng thanh toán các khoản còn thiếu từ ngày 23/7/2023. Nguyên đơn đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ nhưng bị đơn không thanh toán. Đối chiếu với lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Về yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi 39.214.988 đồng, xét: Căn cứ vào lời khai, tóm tắt sao kê và tính lãi của nguyên đơn thì mức lãi suất, thời gian tính lãi cũng như số tiền lãi phát sinh là đúng theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng : "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền lãi tính đến hết ngày 26/9/2024 và tiếp tục thanh toán các khoản lãi, phí phát sinh khác theo quy định của hợp đồng hai bên đã ký kể từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thi hành án xong.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ: Do đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn tự chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[2.4] Phương thức và thời hạn thanh toán: Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong thời gian dài nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số tiền gốc và lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[3] Về ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh: Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc ông Danh Minh G có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 70.026.797 đồng (Bảy mươi triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi bảy đồng), bao gồm nợ gốc: 30.811.809 đồng (Ba mươi triệu tám trăm mười một nghìn tám trăm lẻ chín đồng), lãi quá hạn: 39.214.988 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm mười bốn nghìn chín trăm tám mươi tám đồng).

- Ông Danh Minh G có trách nhiệm tiếp tục trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả hết nợ hoặc thi hành án xong theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã ký giữa hai bên.

- Thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Danh Minh G phải chịu án phí là 3.501.340 đồng (Ba triệu năm trăm lẻ một nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.192.440 đồng (Một triệu một trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) theo biên lai thu số 0003637 ngày 28/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp . Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 4;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (…).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Bích Thảo